

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+P4+CNV	7:25	11+11+0	0+0+0		9+11+2	0+0+0	
2		RC5+RP3	7:25	9+13	0+0		4+18	0+0	
3		VSP01+BK16+RP3	7:25	15+4+3	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
4		PPD+P4	9:25	16+6	0+0		14+8	0+0	chuyen 2 ppd- p4
5		AMD+TGTH4+TGTH5	9:25	12+4+6	0+0+0		11+4+7	0+0+0	
6		CTK3+BK20+VSP01	9:25	5+0+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 2 ctk3- bk20
7		T.UNG	11:00	19	0		19	0	
8		TD2+CLO+PPD	11:25	3+4+13	0+0+0		3+5+14	0+0+0	chuyen 3 td2- clo

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ VSP01-đi VỀ TRONG NGÀY 1 NGƯỜI



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: AMD - P4 - CNV	CREW: Nam - ĐNam - PTUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN AN	AMD	74	1	5	80	59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	76	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	83	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	84-85	2	12		60	ABS	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	75	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRẦN LIÊM	AMD	79-80	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	78	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TÀNG XUÂN HAI	AMD	77	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	90-92	3	11		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC LAI	AMD	81-82	2	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	LUƠNG TUÂN CHUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	79	1	5		92	KHI	Vietnamese
14	HOANG TRỌNG TÂN	P4	71	1	7		72	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	72	1	3		69	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	77-78	2	12		77	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	70	1	2		60	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	76	1	5		61	KHI	Vietnamese
19	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	75	1	4		74	KHI	Vietnamese
20	LÊ HUY CHUÔNG	P4	73	1	6		56	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ANH	P4	74	1	4		69	KHI	Vietnamese
22	HOANG THAI DUONG	P4	69	1	2		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	16	74	741	80	9		
2	P4	11	11	50	777	0	11		
3	CNV	0	0	0	0	35	2		
TOTAL		22	27	124	1.518	115	22		
WEIGHT KG				124	1.518	115			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: RC5 - RP3	CREW: VTHU - LHai - dung	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN GIANG	RC5					85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH CUONG	RC5	33	1	19		102	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH NGOC	RC5	28	1	15		104	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG VAN GIANG	RC5	34	1	9		72	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN SY TUAN	RC5	30	1	15		70	DVL	Vietnamese
6	DƯƠNG THE ĐỨC	RC5	36	1	12		77	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC NINH	RC5	35	1	17		73	DVL	Vietnamese
8	LÊ THANH TRUNG	RC5	31-32	2	20	55	75	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG TUÂN	RP3					90	KHI	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	87	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	BUI VAN PHU	RP3	85	1	3		73	KHI	Vietnamese
12	HA VAN THUY	RP3	81	1	3		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN CHINH THI	RP3	83	1	5		74	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG NAM	RP3				17	86	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	91	1	18	40	65	KHI	Vietnamese
16	ĐUƠNG HỒNG QUẬN	RP3	88	1	7		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	89-90	2	13		80	KHI	Vietnamese
18	LÊ XUAN HIEN	RP3	84	1	3		78	KHI	Vietnamese
19	TRINH QUANG HUY	RP3					70	KHI	Vietnamese
20	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	86	1	10		98	KHI	Vietnamese
21	VU TIEN NGOC	RP3	82	1	8		78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	8	8	107	658	55	4		
2	RP3	13	11	73	1.000	57	18		
TOTAL		21	19	180	1.658	112	22		
WEIGHT KG				180	1.658	112			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/04/2024	TO: VSP01 - BK16 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

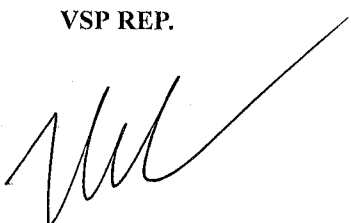
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SABITOV A.	VSP01					81	KH-THAC	Russian
2	CHERNYSHEV V.	VSP01	36	1	7		115	KH-THAC	Russian
3	VÔ QUANG HUY	VSP01	50	1	15	10	77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	48	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	46	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	47	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	49	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP01	44	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	42-43	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
12	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	45	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	37	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	38-39	2	7		54	YTE	Vietnamese
16	ĐẶNG TRỌNG BÀI	BK16	89	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM THẮNG	BK16	87-88	2	15	70	110	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	BK16	85-86	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THAI SƠN	BK16	90	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	49	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG CẨM	RP3	48	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THẾ HUY	RP3					74	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	15	13	98	1.124	10	11		
2	BK16	4	6	53	320	70	0		
3	RP3	3	2	13	221	0	11		
TOTAL		22	21	164	1.665	80	22		
WEIGHT KG				164	1.665	80			

GRAND TOAL: 1.909 KGS

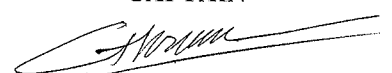
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	TO: PPD - P4	CREW: VTHU - LHài - dững	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	400	1	8	75	90	KHI	Vietnamese
2	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	98	1	8		76	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH HAI	PPD	91	1	5		62	KHI	Vietnamese
4	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	92	1	6		57	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	500	1	2		89	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	90	1	5		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	43	1	5		74	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIỀN QUANG	PPD	95	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	44	1	10	37	84	KHI	Vietnamese
10	CAO NAM QUÝ	PPD	42	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	94	1	4		57	KHI	Vietnamese
12	HA THÈ BAO	PPD					77	KHI	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	96	1	5		81	KHI	Vietnamese
14	LÊ HỒNG PHONG	PPD	93	1	5		89	KHI	Vietnamese
15	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	97	1	4		65	KHI	Vietnamese
16	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	99	1	4		62	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	84	1	8	20	68	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG ĐỨC LAM ANH	P4	85	1	5	10	80	KHI	Vietnamese
19	BUI VĂN HUY	P4					71	TTAT	Vietnamese
20	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	P4	81	1	4		66	D-HANH	Vietnamese
21	TRẦN THỊ THU HA	P4	80	1	5		54	D-HANH	Vietnamese
22	BUI THANH CAM	P4	82-83	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	15	81	1.163	112	14	2	CHUYEN 2 PAX PPD-P4
2	P4	6	6	29	414	30	8		
TOTAL		22	21	110	1.577	142	22		
WEIGHT KG				110	1.577	142			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	CREW: Nam - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

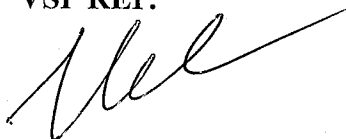
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC DUONG	AMD	15	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HO NGHIA	AMD	14	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VU XUAN ĐỨC	AMD	12-13	2	12	53	72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN QUYET	AMD	16	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH HOANG	AMD	600,01	2	17		88	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM VAN HANH	AMD	08	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ĐO CHAU TUAN	AMD	10	1	16		99	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN GIA DINH	AMD	11	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TAN VUONG	AMD	02	1	7		69	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN LAM THANG	AMD	09	1	5		84	PSV	Vietnamese
11	VU VAN KHOI	AMD	03-05	3	19		73	HA VIET	Vietnamese
12	NGUYEN HUU HIEU	AMD	06-07	2	13		56	HA VIET	Vietnamese
13	NGO SY DUC	TGTH4	30-31	2	17		96	HLJOC	Vietnamese
14	LE THANH DANH	TGTH4	32-33	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VINH QUANG	TGTH4	28-29	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VAN TRONG	TGTH4	25,27	2	8		61	PSV	Vietnamese
17	TRAN MINH KIEN	TGTH5	08	1	7		69	HLJOC	Vietnamese
18	THAI THANH THAO	TGTH5	67-68	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM ANH ĐỨC	TGTH5	05	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH5	70-71	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TAN ANH ĐỨC	TGTH5	06-07	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO LY KHANH	TGTH5	69	1	12		91	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	17	125	884	53	11		
2	TGTH4	4	8	46	294	0	4		
3	TGTH5	6	9	61	437	0	7		
TOTAL		22	34	232	1.615	53	22		
WEIGHT KG				232	1.615	53			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

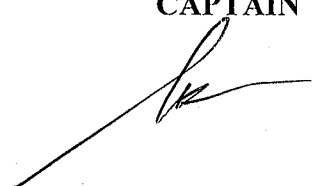
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2024	TO: CTK3 - BK20 - VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Thành	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN KHUÊ	CTK3	19-20	2	15	55	67	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG XUÂN THAI	CTK3	14	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	CTK3	21	1	11		77	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN HỮU QUYNH	CTK3	17-18	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC SƠN	CTK3	22	1	14	10	57	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP01	61	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ CHINH	VSP01	55-56	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN DUY BÌNH	VSP01	69	1	3		92	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC BE	VSP01	52	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	62	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	64	1	5	17	66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG QUAN	VSP01	65	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	57-58	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	60	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	68	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH VĂN THON	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	63	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
19	THẠCH BANE	VSP01	59	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN TIẾN	VSP01	66-67	2	10		56	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TUẤN	VSP01	70-71	2	17		76	DK9	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN HOANG	VSP01	72-73	2	10	25	77	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	7	67	336	65	1	42	CHUYEN 2 PAX CTK3-BK20
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	VSP01	17	21	112	1.163	42	21		
TOTAL		22	28	179	1.499	107	22		
WEIGHT KG				179	1.499	107			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/04/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HHai - TTrung	ETA: 14:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGÔ HOAN	T.UNG	09-10	2	12		64	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG KIEN	T.UNG					67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CHINH	T.UNG	11	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VŨ QUYÊN	T.UNG	20	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	21	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN MINH TRI	T.UNG	05	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TIEN VINH	T.UNG	14	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOAN	T.UNG	07	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG HOANG ANH	T.UNG	03	1	6		92	KH-THAC	Vietnamese
10	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	12	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	17	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	19	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	08	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	15	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐẶC TUY	T.UNG	18	1	4		61	PSV	Vietnamese
16	LÊ MINH HOAN	T.UNG	06	1	7		77	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN CHUONG	T.UNG	13	1	3		64	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH BÌNH	T.UNG	16	1	12		71	PVGAS	Vietnamese
19	ĐO XUAN LỢI	T.UNG	04	1	7		80	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	19	108	1.349	0	19		
TOTAL		19	19	108	1.349	0	19		
WEIGHT KG				108	1.349	0			

GRAND TOAL: 1.457 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: TD2 - CLO - PPD	CREW: LTuấn - MTHAO - QTrưởng	ETA: 14:00
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV A.	TD2	60	1	8		80	KH-THAC	Russian
2	BOBROV S.	TD2	64-66	3	15	55	86	CODIEN	Russian
3	KUSHENKO N.	TD2	61-62	2	15	20	76	KH-THAC	Russian
4	TELESHENKO IVAN	CLO	59	1	19		116	KHOAN	Russian
5	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	57	1	7		77	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN BA HUNG	CLO	58	1	8	50	76	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN GIANG	CLO	60	1	6		72	DVL	Vietnamese
8	LÊ HUY VINH	PPD	57	1	6		63	KHI	Vietnamese
9	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	53	1	5		74	KHI	Vietnamese
10	ĐẠO ANH TUẤN	PPD	51	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC LINH	PPD	60-61	2	16		64	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	63	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	54-55	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG THẮNG	PPD	62	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO VIỆT HUNG	PPD	52	1	11		60	KHI	Vietnamese
16	BUI THI PHƯƠNG THAO	PPD	58	1	9		72	NIPI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN LINH	PPD	59	1	10		75	NIPI	Vietnamese
18	TRẦN KHOA TRƯỞNG	PPD	56	1	9		80	NIPI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH ĐẠT	PPD	65	1	12		62	T-TIN	Vietnamese
20	TRƯƠNG TRỌNG THI	PPD	64	1	6	18	73	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	3	6	38	242	75	3+3		CHUYEN 3 PAX TD2-CLO +120KG HANG M TD2 về VT
2	CLO	4	4	40	341	50	5		
3	PPD	13	15	110	905	18	14		
TOTAL		20	25	188	1.488	143	22		
WEIGHT KG				188	1.488	143			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD5+P4	7:25	3+17+0	0+0+0		0+15+3	0+0+0	
2		P6+MRM	7:25	14+8	0+0		13+9	0+0	
3		P8+TTC2	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
4		P8+TTC1	9:25	17+5	0+0		11+10	0+0	
5		P8+BK21+TD1	9:25	17+4+0	0+0+0		0+6+15	0+0+0	
6		CTK3+P6+BK19	9:25	6+13+3	0+0+0		0+18+4	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CLO - TD5 - P4	CREW: HƯNG - Sơn - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ BÁ NAM	CLO	37-38	2	9	30	84	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	CLO	36	1	7	90	65	ANTOAN	Vietnamese
3	VŨ VĂN DỤC	CLO	39-40	2	7	20	67	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN NHỎ DÔNG	TD5	85	1	19		77	DMC-MI	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HƯNG	TD5	78-79	2	15		80	DMC-MI	Vietnamese
6	NGO VĂN TRONG	TD5	80-81	2	17		61	DMC-MI	Vietnamese
7	VO HOANG LONG	TD5	82-83	2	17		94	DMC-MI	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU ĐỨC TÂM	TD5	90-91	2	18		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD5	93	1	5		57	DVL	Vietnamese
10	BUI ĐỨC TRUNG	TD5	94	1	10		60	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG SƠN	TD5	95	1	7		71	DVL	Vietnamese
12	TRẦN THAI AN	TD5	92	1	14		73	DVL	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NGHĨA	TD5	89	1	17		84	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HIỆP	TD5	84	1	15		78	DVL	Vietnamese
15	DUƠNG BA VINH	TD5	88	1	15		94	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	TD5	86-87	2	20		69	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN CHÍ HÀ	TD5	74	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN HÒA	TD5	75-76	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG TỊNH	TD5	77	1	18		82	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN VINH	TD5	73	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	5	23	216	140	0	+2	CHUYEN 3 PAX CLO-TD5 THAO 1 GHE DOI DE CHO HANG
2	TD5	17	23	238	1.257	0	16		
3	P4	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	28	261	1.473	140	20		
WEIGHT KG				261	1.473	140			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/04/2024	TO: P6 - MRM	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cuong - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU THE ANH	P6					75	KH-THAC	Vietnamese
2	VAN MINH TAN	P6	89	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG BACH	P6	93	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN DOA	P6	95	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUY HUNG	P6	91	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH SY	P6	92	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN BANG	P6	99	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN QUOC VIET	P6	1000	1	6	50	93	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TUAN	P6	90	1	3	16	66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC KHANH	P6	81-83	3	11		82	YTE	Vietnamese
11	MAI MANH KHANH CUONG	P6	97	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO VAN SANG	P6	96	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHU	P6	94	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MANH THANG	P6	98	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU TRUNG	MRM	31	1	16		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TINH	MRM	27	1	11		83	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC KHANH	MRM	32-33	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGO VAN SON	MRM	28	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
19	MAI THE HIEN	MRM	30	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN NGOC TIEN	MRM	35	1	7		60	DVL	Vietnamese
21	NGO THANH SON	MRM	29	1	10		75	DVL	Vietnamese
22	TRAN DAI HUNG	MRM	34	1	6		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	14	15	98	999	66	13		
2	MRM	8	9	80	599	0	9		
TOTAL		22	24	178	1.598	66	22		
WEIGHT KG				178	1.598	66			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P8 - TTC2	CREW: VTHU - L Hải - dũng	ETA: 09:30
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	94	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH CHANH PHAT	P8	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET KHA	P8	91	1	6	75	65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN CHAU NAM	P8	90	1	14		90	KH-THAC	Vietnamese
5	VU XUAN THANH	P8	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN NHAN	P8	87-88	2	10		72	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN ĐỨC	P8	96	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRUNG HẬU	P8	89	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ NGUYEN MINH KHOI	P8	80	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUANG HIỂN	P8					77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU DUNG	P8	86	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG THANH TRUNG	P8	95	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN ANH TRI	P8	85	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOAN VAN DU	P8	83	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET HOA	P8	93	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CONG TINH	P8	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUAN TRUNG	P8	84	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG QUỐC BẢO	TTC2	41	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TẠ MẠNH HUNG	TTC2	38	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN THỰC	TTC2	39	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	42	1	8	40	80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HA	TTC2	40	1	10		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	17	115	1.236	75	15		
2	TTC2	5	5	32	323	40	7		
TOTAL		22	22	147	1.559	115	22		
WEIGHT KG				147	1.559	115			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: P8 - TTC1	CREW: HƯNG - Sơn - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIÊN VŨ	P8	19	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	18	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ CHÈ LINH	P8	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH VINH	P8	24	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	17	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN TÂN	P8	16	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	21-22	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯ TRẦN HUNG	P8	32	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ANH MINH	P8	30-31	2	20	10	75	T-TIN	Vietnamese
10	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	15	1	4		58	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	P8	20	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN PHÚ	P8	14	1	5		58	PSV	Vietnamese
13	TRẦN HOÀNG HAI	P8	25	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	PHẠM BA KHÁNH	P8	23	1	8		75	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	P8	26	1	5		71	THIENNAI	Vietnamese
16	HỒ VĂN CUONG	P8	27	1	5		64	THIENNAI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN BẮC	P8	29	1	6		65	THIENNAI	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	TTC1	19	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	17	1	8	20	70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HUNG TUẤN	TTC1	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	16	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG TRUNG ĐỨC	TTC1	15	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	19	132	1.161	10	12		
2	TTC1	5	5	31	369	20	10		
TOTAL		22	24	163	1.530	30	22		
WEIGHT KG				163	1.530	30			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2024	TO: P8 - BK21 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - N.Cương - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

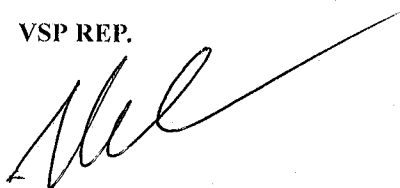
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DANH TÀI	P8	11	1	7		61	THIENNAM	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC SƠN	P8	14	1	5		50	THIENNAM	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUY	P8	15	1	15		78	THIENNAM	Vietnamese
4	PHẠM VĂN CUÔNG	P8	16	1	6		66	THIENNAM	Vietnamese
5	VŨ HAI TRIEU	P8	10	1	6		80	THIENNAM	Vietnamese
6	PHẠM MINH TIẾN	P8	09	1	8		56	THIENNAM	Vietnamese
7	BẠCH VĂN BÌNH	P8	12	1	7		62	THIENNAM	Vietnamese
8	LUÔNG ĐỨC THIÊN	P8	08	1	7		60	THIENNAM	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG SÂM	P8	06	1	5		75	THIENNAM	Vietnamese
10	HỒ TÚ ANH	P8	17-18	2	9		64	THIENNAM	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P8	04	1	7		60	THIENNAM	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH MẠNH	P8	07	1	9		61	THIENNAM	Vietnamese
13	ĐẶNG HOANG LAN	P8	13	1	8		105	THIENNAM	Vietnamese
14	NGÔ XUÂN LINH	P8	05	1	7		72	THIENNAM	Vietnamese
15	LÊ NGỌC LUÂN	P8	02	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	P8	01	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGÔ DUY NGỌC	P8	03	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
18	BẠCH ANH TUÂN	BK21	18	1	5	50	69	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC DŨNG	BK21	19-20	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ TRUNG TUÂN	BK21	17	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN THUẬT	BK21	21	1	10		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

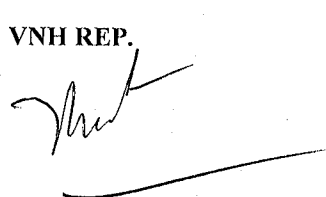
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	18	139	1.141	0	1		
2	BK21	4	5	44	315	50	6		
3	TD1	0	0	0	0	29	15		
TOTAL		21	23	183	1.456	79	22		
WEIGHT KG				183	1.456	79			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

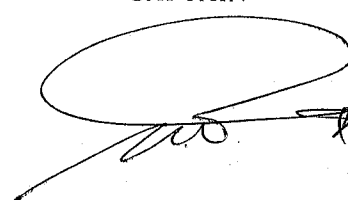
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - P6 - BK19	CREW: VTHU - LHải - dững	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN ĐƯƠNG	CTK3	06	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM NGOC HA	CTK3	02-03	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN SY	CTK3	07-08	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
4	HA VAN TRANG	CTK3	04-05	2	15	10	68	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN HUU MINH	CTK3	09-10	2	12		79	XAYLAP	Vietnamese
6	HA TUAN DUNG	CTK3	01,700	2	21		72	XAYLAP	Vietnamese
7	LAM VAN KHUONG	P6	78	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM NGOC AN	P6	77	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN LAM GIANG	P6	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO MINH HOANG	P6	73	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUY THONG	P6	79	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC HONG	P6	70	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
13	DO TRUONG DIEN	P6	68	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRUONG	P6	67	1	5		66	PSV	Vietnamese
15	DO VAN QUANG	P6	74-75	2	12		71	PSV	Vietnamese
16	HOANG VAN TRONG	P6	71	1	5		98	PSV	Vietnamese
17	HO QUOC VU	P6	66	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HOAI	P6	72	1	5		58	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH MINH	P6	69	1	6		58	PSV	Vietnamese
20	LE VAN TOAN	P6	64-65	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TRONG PHUC	P6	62-63	2	16	27	71	KH-THAC	Vietnamese
22	VU DUC TUAN	P6	61	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	11	90	415	10	0		
2	P6	16	19	111	1.129	27	18		
3	BK19	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	30	201	1.544	37	22		
WEIGHT KG				201	1.544	37			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN